TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 5 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Ông Phạm Văn Liệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 000, phường 1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hữu Đ, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 185/B, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, Biên bản phiên họp ngày 12/4/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ do quen biết tìm hiểu nhau khoảng 05 năm mới kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 15/4/2013. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc được 04 năm. Thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, hay cãi vã. Do anh Đ không quan tâm vợ con. Anh Đ thường đi làm xa, lâu lâu mới về nhà một lần để thăm con, rồi tiếp tục đi làm tiếp. Từ khi vợ chồng cưới nhau cho đến nay thì anh Đ không đưa tiền để phụ giúp gia đình, cũng như để nuôi con. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân thì gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành.

Hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh Đ. Nên chị Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu ly hôn với anh Phạm Hữu Đ.

+ *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ có một con chung là cháu Phạm NY, sinh ngày 14/12/2017, Từ khi ly thân đến nay cháu ý sống chung với chị L. Chị Nguyễn Thị Cẩm L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm NY, sinh ngày 14/12/2017 đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị Cẩm L không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị L đang làm nhân viên kinh doanh bất động sản. Thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hữu Đ không có ý kiến trình bày.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ; Trích lục khai sinh của Phạm NY, sinh ngày 14/12/2017; Căn cước công dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị Cẩm L; Đơn xin vắng mặt; Biên bản xác minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 195, Điều 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật như đến Tòa án tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp chính đáng cho mình là vi phạm Điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Phạm Hữu Đ. Về con chung: Giao cháu Phạm NY, sinh ngày 14/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh Phạm Hữu Đ

không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Hữu Đ cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Cẩm L là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 vụ án được xét xử vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 13 tháng 5 năm 2021 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phạm Hữu Đ là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ do quen biết tìm hiểu nên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 15/4/2013. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Cẩm L xác định: Trong thời gian chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Ngoài ra, anh Đ không quan tâm vợ con, thường đi làm xa, anh Đ không đưa tiền để phụ giúp gia đình. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay. Từ khi ly thân thì gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, chị L cương quyết ly hôn. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Phạm Hữu Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của của chị Nguyễn Thị Cẩm L đối với anh Phạm Hữu Đ là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Phạm NY, sinh ngày 14/12/2017 đang sống với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ý đến khi thành niên. Hiện nay chị L đang làm nhân viên kinh doanh bất động sản. Thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu Ý và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị L. Giao cháu Ý cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Phạm Hữu Đ không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Cẩm L xác định chị và anh Phạm Hữu Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Phạm Hữu Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm L.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với anh Phạm Hữu Đ.

- Về con chung: Giao cháu Phạm NY, sinh ngày 14/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Cẩm L được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Anh Phạm Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Phạm Hữu Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032687 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Nguyễn Thị Cẩm L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Hữu Đ không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND phường 4, TP. Long Xuyên;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh